

PHONG TRÀO DUY TÂN Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỶ XX QUÁ TRÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM

VÕ VĂN SEN*

Đầu thế kỷ XX, dưới tác động của những tư tưởng dân chủ tư sản thông qua các sách báo truyền về từ Nhật Bản và Trung Quốc, các sĩ phu yêu nước đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã phát động phong trào Duy Tân ở Việt Nam. Phong trào Duy Tân đã tác động đến nhiều vùng ở Việt Nam, trong đó có Nam Kỳ. Bài viết tập trung trình bày phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX thông qua hai diễn biến cụ thể: Đông Du và Minh Tân. Trên cơ sở đó, bài viết cũng rút ra những đặc điểm của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Duy Tân, Nam Kỳ, Đông Du, cải cách

Nhận bài ngày: 2/8/2017; đưa vào biên tập: 17/8/2017; phản biện: 25/8/2017; duyệt đăng: 28/9/2017

1. BỐI CẢNH VIỆT NAM NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, sau khi đã cơ bản bình định xong Việt Nam, thực dân Pháp một mặt ra sức củng cố và hoàn chỉnh bộ máy chính trị và quân sự; mặt khác đẩy mạnh khai thác bóc lột nhân dân Việt Nam trên qui mô lớn, với tốc độ nhanh, một cách có hệ thống. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-

1914) của tư bản Pháp, với tác giả là Toàn quyền Paul Doumer ra đời ở Việt Nam trong bối cảnh lịch sử nêu trên (Gerard Sasges 2006: 39). Dưới ảnh hưởng của chương trình khai thác thuộc địa, xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đã bắt đầu biến đổi mạnh mẽ cả về cấu trúc kinh tế, lẫn cấu trúc xã hội. Phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa đã theo đó du nhập vào Việt Nam, bên cạnh đó, quan hệ bóc lột phong kiến ở nông thôn vẫn tiếp tục được duy trì. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó đã kéo theo những biến đổi ngày càng sâu

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

sắc trong cơ cấu xã hội Việt Nam lúc bấy giờ mà kết quả là sự ra đời những lực lượng xã hội mới.

Sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế và xã hội nói trên đã tạo tiền đề cần thiết để các trào lưu tư tưởng mới thông qua các phong trào cải cách từ bên ngoài du nhập mạnh mẽ vào Việt Nam, trong đó trực tiếp nhất là Nhật Bản và Trung Quốc. Sau khi tiến hành duy tân thành công dưới triều Minh Trị (năm 1868), Nhật Bản đã tiến lên con đường phát triển chủ nghĩa tư bản với một tốc độ khá nhanh. Cùng lúc này, cuộc vận động duy tân của Trung Quốc (1898) dưới ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây ngày càng phát triển mạnh mẽ với những nhân vật tiêu biểu như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Mặc dù cả hai xu hướng duy tân nêu trên chỉ mới dừng lại ở mục tiêu thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, nhưng đã thể hiện rõ nét tư tưởng dân chủ tư sản. Tiếp đó, Cách mạng Tân Hợi (1911) do Tôn Trung Sơn lãnh đạo bùng nổ, lật đổ chế độ phong kiến, thành lập chế độ Cộng hòa dân quốc ở Trung Quốc. Những diễn biến ở Nhật Bản và Trung Quốc đã tác động mạnh đến các nhà yêu nước Việt Nam, qua đó thúc đẩy họ tiến lên. Trong hoàn cảnh đó, vùng đất Nam Kỳ, mà trung tâm là Sài Gòn, cũng chính là nơi tiếp thu sớm các tư tưởng dân chủ tư sản nêu trên.

Trên thực tế, Nam Kỳ là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam đã bị thực dân Pháp xâm chiếm, biến thành thuộc địa (1867) và tiến hành khai thác thuộc

địa sớm nhất trong cả nước, trước gần 1/4 thế kỷ so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Ở Nam Kỳ, bộ máy cai trị của triều đình nhà Nguyễn bị xóa bỏ hẳn, thay vào đó là bộ máy cai trị trực tiếp của thực dân Pháp. Về kinh tế, sau khi chiếm được Gia Định, tháng 2/1860, thực dân Pháp cho mở cảng Sài Gòn đón thương thuyền của các nước phương Tây đến giao thương mà chủ yếu là để xuất cảng lúa gạo, nông sản của Nam Kỳ. Nhiều công ty thương mại của Pháp như Denis Frères d'Indochine, Descours et Cabaud, Poincard et Veyret, Comptoirs Généraux de l'Indochine... đã có mặt ở Nam Kỳ từ những thập niên cuối của thế kỷ XIX để tiến hành các hoạt động thông thương và xây dựng cơ sở kinh tế ở Sài Gòn. Để thúc đẩy mạnh giao lưu, trao đổi giữa các vùng, thực dân Pháp chú trọng phát triển hệ thống kinh đào, cụ thể thể tích đất vét hàng năm đạt 824.000m³ trong giai đoạn 1890-1900 (Viện Sử học 1999: 216). Về giáo dục, nền giáo dục khoa cử theo mô hình phong kiến cũ bị bãi bỏ, chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp được sử dụng chính thức cho việc dạy và học ở các trường của Pháp tại Nam Kỳ. Báo chí chữ Quốc ngữ cũng đã xuất hiện và phát triển mạnh với những tờ báo tiêu biểu như *Gia Định báo* (1865), *Nông cổ mín đàm* (1901).

Những ảnh hưởng từ Trung Quốc thông qua các bài viết của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu (Trung Quốc), cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911), đặc biệt là tấm gương duy tân của Nhật Bản, đã tác động lớn

đến nhiều sĩ phu yêu nước ở Việt Nam, mà tiêu biểu là cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh. Sau một thời gian vận động, vào cuối tháng 4/1904, Hội Duy Tân được thành lập với mục đích “Cốt sao khôi phục được Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác cả” (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 60). Nhiệm vụ trước mắt của Hội được đề ra trong ngày thành lập là: phát triển thế lực của Hội về người và về tài chính; chuẩn bị bạo động và phương án hành động sau khi bạo động được tiến hành; xuất dương cầu viện. Trong các nhiệm vụ trên, chủ trương *xuất dương cầu viện* được coi là nhiệm vụ quan trọng nhất (Viện Sử học 1999: 116). Từ cơ sở đó, phong trào Đông Du ra đời vào cuối tháng 7/1905 với sự phát động từ nhà yêu nước Phan Bội Châu.

Khi bắt đầu cuộc vận động cứu nước theo xu hướng Duy Tân, các sĩ phu Bắc Kỳ và Trung Kỳ đầu thế kỷ XX đều có xu hướng tìm cách liên kết với vùng đất Nam Kỳ để tìm kiếm những người đồng chí của mình.

2. NAM KỲ HƯỚNG ỨNG PHONG TRÀO ĐÔNG DU CỦA PHAN BỘI CHÂU

Phong trào Đông Du là một phong trào vận động cách mạng hình thành vào đầu thế kỷ XX do Phan Bội Châu khởi xướng, nhằm đưa một thể hệ những người Việt Nam trẻ tuổi vượt biển đến Nhật Bản du học. Phan Bội Châu hy vọng khi sang Nhật, các du học sinh Việt Nam sẽ học hỏi được tấm gương tự cường của Nhật Bản và

qua đó, hy vọng nhờ sự giúp đỡ của Nhật Bản để mưu cầu thoát khỏi ách thống trị thực dân Pháp và xây dựng được quốc gia tự lập tự cường. Phong trào Đông Du bắt đầu từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, sau đó lan dần vào Nam Kỳ. Trong quá trình hình thành ý tưởng xuất dương cầu viện, Phan Bội Châu đã gặp Tiểu La Nguyễn Thành - một yếu nhân của phong trào Duy Tân ở Quảng Nam. Trong cuộc hội đàm với Tiểu La Nguyễn Thành, Phan Bội Châu đã nhận được một lời tư vấn rất quan trọng: “Sắp tính việc lớn tất phải được một món kim tiền thật to, mà kho kim tiền nước ta thật chỉ là Nam Kỳ” (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 65-66). Chính gợi ý này đã hướng Phan Bội Châu vào vùng đất Nam Kỳ lúc này đang là thuộc địa của Pháp – một vùng đất mở, phát triển kinh tế nhất Việt Nam, có thể tạo nên thêm nguồn lực quan trọng cho phong trào Đông Du. Các nhà nghiên cứu cũng xác nhận rằng xuất xứ của phong trào Đông Du là từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, còn Nam Kỳ tham gia muộn hơn, tuy nhiên sự tham gia của Nam Kỳ dường như đã tạo ra một bước phát triển mới cho phong trào này. Tại Nam Kỳ, phong trào Duy Tân có những yêu cầu và hình thức tổ chức ở mức độ cao hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ (Nguyễn Ngọc Cơ 2002: 207).

Phong trào Đông Du khi vào đến Nam Kỳ đã nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ. Trên cơ sở đó, phong trào nhanh chóng khai thác được nguồn lực to lớn [chủ yếu về tiền bạc] và những phương thức tham gia rất

phong phú của giới trí thức Nam Kỳ lúc bấy giờ.

Gilbert Trần Chánh Chiêu không chỉ tự mình qua Hương Cảng đưa người con trai của mình đang theo học tại đó sang Nhật học⁽¹⁾, mà khi về nước, ông còn đem một phần gia sản của mình đóng góp làm tài chính cho phong trào. Đồng thời, Gilbert Chiêu còn sử dụng những tờ báo mà ông làm chủ bút như *Nông cổ mín đàm* hay *Lục tỉnh tân văn* để ngấm cổ vũ và khuyến khích cho phong trào Đông Du. Cùng với Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Thần Hiến cũng là một nhân vật hoạt động tích cực cho phong trào Đông Du. Nguyễn Thần Hiến đứng ra lập “Khuyến du học hội” và tự mình cùng con em xuất dương tiếp tục hoạt động cho đến khi bị thực dân Pháp bắt thì ông tuyệt thực mà chết⁽²⁾. Nguyễn An Khương và những người yêu nước cùng chí hướng đã lập ra Chiêu Nam Lầu làm cơ sở kinh doanh, cũng đã tài trợ tiền cho con em Nam Kỳ sang Nhật Bản du học... Như vậy, hưởng ứng phong trào của Phan Bội Châu, những chí sĩ yêu nước Nam Kỳ đã tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền, nên ảnh hưởng của nó đã lan rộng nhanh chóng, hơn nữa thể chế chiêu mộ và gửi lưu học sinh của họ được tổ chức một cách cực kỳ có hiệu quả (Shiraishi Masaya 2000: 391).

Một lý do cũng rất quan trọng thúc đẩy phong trào Đông Du ở Nam Kỳ phát triển chính là sự hưởng ứng tích cực của các “Nam Kỳ phụ lão”. Họ phần lớn xuất thân từ tầng lớp địa chủ, tầng lớp giàu có ở đô thị, có nguồn tiền

phong phú, có năng lực đưa nhiều thanh niên đi du học. Do đó, Nam Kỳ chính là nơi hỗ trợ rất tích cực về tài chính cho phong trào Đông Du (Shiraishi Masaya 2000: 391). Thực tế, các nhóm yêu nước từ Nam Kỳ đã góp tiền gửi qua cho tổ chức Đông du Nhật Bản hàng trăm ngàn đồng, đợt ít cũng gửi hơn 10.000 đồng, đợt nhiều nhất lên đến 200.000 đồng (đầu năm 1908) (Đoàn Lê Giang 2012: 71). Sau này, cụ Phan Bội Châu cũng đã nói: “Mỗi lần thống kê tiền bạc ở trong nước gửi ra thấy nhiều nhất là Nam Kỳ... Hiện thời lưu học sinh ở Nam Kỳ đông hơn nên hậu viện trông vào Nam Kỳ là vậy” (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 157).

Có thể thấy, phong trào Đông Du của chí sĩ Phan Bội Châu vào đến Nam Kỳ đã nhận được một sự hưởng ứng mạnh mẽ. Người dân Nam Kỳ vốn là những lưu dân từ Đàng Ngoài vào khai phá vùng đất phương Nam nên tính cách phóng khoáng, ưa thích phiêu lưu, khám phá nên cũng sớm tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Trước khi có phong trào Đông Du, nhiều gia đình ở Nam Kỳ đã sớm gửi con em mình ra nước ngoài học tập. Tuy nhiên, sau khi phong trào Đông Du xuất hiện, hoạt động này đã góp phần định hướng việc du học của con em Nam Kỳ với mục tiêu vì nước. Nếu con em ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ tham gia phong trào Đông Du phần lớn xuất thân từ thế hệ những gia đình thuộc dòng dõi chống Pháp, coi Đông Du như là phương cách để “cầu viện” từ bên ngoài, thì ở Nam Kỳ phần lớn con

em tham gia lại thuộc những gia đình khá giả, thậm chí còn xuất thân từ làng Tây học với mục tiêu hàng đầu là “cầu học” (Dương Trung Quốc 2006). Tư tưởng “cầu học” của Nam Kỳ lúc bấy giờ rất phù hợp với dòng chảy yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Chính đặc điểm này đã dẫn đến tình hình số du học sinh Nam Kỳ sang Nhật du học luôn đông hơn số học sinh đến từ Bắc Kỳ hay Trung Kỳ, thường là chiếm khoảng 50%. Cụ thể, năm 1907 số du học sinh Nam Kỳ sang Nhật Bản học là 40 người, trong khi Bắc Kỳ và Trung Kỳ là 60 người. Vào thời điểm cao nhất (tháng 5/1908), số học sinh sang Nhật học từ Nam Kỳ lên đến 100 người, bằng cả số du học sinh Trung Kỳ và Bắc Kỳ cộng lại. Cụ Phan Bội Châu kể lại: “Thực số đến nay tôi chưa nhớ được chắc chắn, nhưng đại ước hơn 200 người, học sinh Nam Kỳ ước hơn 100, học sinh Trung Kỳ ước 50, học sinh Bắc Kỳ ước hơn 40 người, mà nghe hơi nổi gót còn có nhiều người nữa” (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 154). Nhiều phụ huynh của học sinh Nam Kỳ đã sang Nhật, đi thăm nơi ăn, ở và học hành của con em mình, ai ấy đều tỏ ra vui vẻ (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 152).

Trước sự phát triển ngày càng mạnh của phong trào Đông Du, thực dân Pháp đã tìm cách can thiệp, đàn áp phong trào. Ngày 10/6/1907, tại Paris (Pháp), Chính phủ Pháp đã ký với Chính phủ Nhật *Điều ước và tuyên bố chung* (Arrangement et Déclaration) về vấn đề quản lý kiều dân Nhật sống

ở Đông Dương và những người Đông Dương vốn là “thần dân Pháp và được Pháp bảo hộ” sống trên đất Nhật. Trên cơ sở tuyên bố chung đã ký kết, tháng 9/1908, Chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất du học sinh Việt Nam. Đến tháng 2/1909, cụ Phan Bội Châu và Cường Để cũng bị Chính phủ Nhật trục xuất về nước. Tại Nam Kỳ đã xảy ra sự kiện Hoàng Quang Thành và Đặng Bình Thành về Sài Gòn trữ liệu việc chuyển tiền ủng hộ sang Nhật thì bị bắt, nhiều giấy tờ quan trọng mang theo người bị tịch thu. Thực dân Pháp nắm được tình hình một cách cụ thể, buộc cha mẹ học sinh ở Nam Kỳ phải gửi thư gọi con về nước. Trong số học sinh Nam Kỳ, chỉ có 5 người xin ở lại là Hoàng Hưng, Nguyễn Mạch Chi, Trần Văn Thư, Trần Văn An và Hoàng Vĩ Hùng (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 159).

Có thể nói, phong trào Đông Du với sự tham gia tích cực của người dân Nam Kỳ đã góp phần khởi dậy niềm tự hào dân tộc, thức tỉnh tinh thần yêu nước của tầng lớp nhân dân (Vinh Sinh 1988: 108-109). Tuy nhiên, phong trào Đông Du vẫn còn nhiều hạn chế: lớn nhất có lẽ thuộc về điều kiện giai cấp của lực lượng lãnh đạo đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự lớn mạnh của phong trào. Trên thực tế, Phan Bội Châu và những người cùng chí hướng của ông đã không nhận thấy rõ động lực chính của cách mạng là quần chúng nông dân lao động. Do đó, phong trào chỉ đóng khung trong phạm vi của một số tầng lớp bên trên. Thực tế này có thể thấy rõ đối với

phong trào Đông Du ở Nam Kỳ. Phong trào vì vậy thiếu cơ sở sâu rộng trong nhân dân và nhanh chóng tan rã trước sự khủng bố của thực dân Pháp (Trần Văn Giàu 1993: 25-31).

3. PHONG TRÀO MINH TÂN Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỲ XX

Sau khi phong trào Đông Du kết thúc, từ năm 1908, ở Nam Kỳ xuất hiện một phong trào đấu tranh mới được gọi là phong trào Minh Tân (Minh đức Tân dân) hưởng ứng phong trào Duy Tân, do Trần Chánh Chiếu phát động. Xét về nội dung và hình thức, thì phong trào Minh Tân chính là sự kết nối giữa phong trào Đông Du và phong trào Duy Tân. Trong đó, chủ trương của phong trào tập trung vào cải cách xã hội, chấn hưng dân trí, bồi dưỡng dân khí và phát triển công thương, để có thể tự cường kinh tế nước nhà và cạnh tranh với tư bản Pháp và tư bản Hoa kiều, từ đó nhằm thoát khỏi sự cai trị của thực dân Pháp, giành độc lập cho đất nước.

Tháng 8/1907, Trần Chánh Chiếu đã viết hai bài viết cho xuất bản công khai tại Sài Gòn là *Quảng Đông tỉnh thành phong cảnh* và *Hương Cảng nhân vật*. Thông qua các bài viết này, Trần Chánh Chiếu đã ca ngợi việc người Trung Hoa tranh đua trên đường mở mang công nghệ, thương mại với người phương Tây. Từ đó, ông hô hào các tầng lớp dân chúng ở Nam Kỳ làm theo gương duy tân của Trung Quốc, chú trọng phát triển trường dạy học, phát triển công nghệ. Mấy trang sau của cuốn *Hương Cảng*

nhân vật có in thêm một số danh từ và từ ngữ Nhật nhằm giúp những người bước đầu sang Hương Cảng, sang Nhật có thể tạm sử dụng (Viện Sử học 1999: 219).

Về chủ trương phát triển công thương, những người phát động phong trào Minh Tân đã xúc tiến thành lập các cơ sở kinh doanh, như khách sạn, hãng xưởng, hội buôn... để tạo cơ sở cho phong trào. Hưởng ứng phong trào, Huỳnh Đình Điền đã cho Trần Chánh Chiếu mượn khách sạn Nam Kỳ do ông làm chủ. Trần Chánh Chiếu đã cho đổi tên khách sạn này thành “Minh Tân khách sạn”. Quản lý khách sạn sẽ do các ông Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Minh Triết (Cả Trộn) và Nguyễn Chánh Sắt. Minh Tân Khách sạn trở thành cơ sở kinh tài, nơi liên lạc, hội họp, diễn thuyết và phân phát tài liệu, nhất là sách báo do Phan Bội Châu gửi từ nước ngoài về, để tuyên truyền cho phong trào Đông Du và Minh Tân.

Ngày 1/6/1908, Trần Chánh Chiếu cũng cho thành lập “Nam Kỳ Minh Tân công nghệ”, trụ sở đặt tại Minh Tân khách sạn. Nam Kỳ Minh Tân công nghệ là công ty cổ phần với 17 sáng lập viên, có điều lệ, có vốn cố định (1.000 đồng, tương đương 25.000 francs). Mục đích của việc thành lập Nam kỳ Minh Tân công nghệ được ghi trong Điều lệ là: “1. *Lập lò nghệ tại Nam Kỳ, lò chỉ, lò dệt, lò savon (xà bông), thuộc da và pha ly v.v...* 2. *Dạy con nít An Nam học nghề ấy*” (Nguyễn Trọng Tín 2007). Tuy nhiên, mục tiêu

chính là nhằm cạnh tranh với tư bản Pháp và tư bản Hoa kiều, phát triển tiểu thủ công nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, giáo dục hướng về thực nghiệp, khẳng định vị trí kinh tế của giai cấp tư sản dân tộc. Ngoài Nam Kỳ Minh Tân công nghệ và Minh Tân khách sạn ở Mỹ Tho, Trần Chánh Chiêu còn lập thêm Nam Trung khách sạn ở Sài Gòn làm nơi hội họp của những người cùng chí hướng với Trần Chánh Chiêu lúc bấy giờ. Lúc này, Sài Gòn được xem là trung tâm của cả Nam Kỳ, là nơi phổ thị đông người do đó thành lập trụ sở tập hợp lực lượng rất hợp lý. Tại Nam Trung khách sạn, những tác phẩm của cụ Phan Bội Châu như *Kỷ niệm lục*, *Sùng bái giai nhân...* được phổ biến gần như công khai (Sơn Nam 1974: 42). Ngoài việc kêu gọi góp vốn thành lập các cơ sở kinh doanh của người Việt, Trần Chánh Chiêu còn chủ trương lập ở Sài Gòn một tổ chức kinh doanh tài chính, dạng như một ngân hàng tín dụng, gọi là Hãng cho vay Sài Gòn - Chợ Lớn (Nguyễn Trọng Tín 2007).

Hưởng ứng phong trào Minh Tân, một số người ở Mỹ Tho đã hợp tác với nhau thành lập “Minh Tân túc mễ tổng cuộc”. Minh Tân túc mễ tổng cuộc cũng là công ty cổ phần, chủ yếu buôn bán thóc gạo và cũng nhằm cạnh tranh thương mại với tư sản mại bản Hoa kiều và tư sản Pháp trong việc kinh doanh và xuất khẩu thóc gạo. Theo quy định, mỗi thành viên hùn vốn được định ra là một đồng, nhưng người nào góp từ 10 phần hùn (tức 10

đồng) trở lên thì mới được công nhận là cổ đông. Ngay lúc thành lập đã có 25 vị góp hùn đầu tiên, trong đó, có 21 người ở Mỹ Tho, 1 người ở Bến Tre, 1 người ở Bến Cát (Thủ Dầu Một), 1 người ở Trà Ôn, 1 người ở Rạch Giá, với tổng số tiền là 16.980 đồng. Trong số đó, nhiều người góp với số tiền lớn như Trần Văn Hải ở làng Lương Phú, tổng Thạnh Quơn góp 3.000 đồng, ông Trụ ở tổng Thuận Bình góp 2.000 đồng, Phạm Ngọc Túy góp 1.000 đồng, ông Gilbert Chiêu góp 1.000 đồng (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn 2005: 424). Mục đích hoạt động của Minh Tân túc mễ tổng cuộc được thể hiện qua “lời rao” của 12 người khởi xướng thành lập “Minh Tân túc mễ tổng cuộc” đăng trên *Lục tỉnh tân văn* ra ngày 30/1/1908: “Nghề buôn lúa ở Nam Kỳ mình ai ai cũng biết nghề thứ nhứt chẳng cần phải nói dông dài, mà lâu nay người mình không làmặng, là tại tánh chịu sút cửa dưới. Còn ở phương Tây, nhiều cái công ty hùn cho tới ngàn người, vốn cũng đặng trăm muôn đồng, họ làm coi như chơi, bởi có chọn một người thông thạo tôn làm thầy, kêu là General manager đặng bày biểu các việc, còn muốn vốn cho nhiều nữa phải thế churen cái sổ biên chung sổ bạc mình hùn đặng bao nhiêu cho hãng, kêu là Trust company, thì vay cũng đặng bằng số đó. Bây giờ thì người Trung Quốc cũng bắt chước rồi đó. Còn người xứ mình chẳng phải là cây đá tượng hình nên không làm chi hết, nay chúng tôi quyết lực người đồng chí trong bọn đồng bào mình mà kêu

gọi, ông nào, bà nào biết việc duy tân thì hãy tham gia” (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn 2005: 423-424).

Nguyễn An Khương vốn một nhà văn và nhà báo, cũng là người đã ủng hộ nhiệt tình cho phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu. Sau khi phong trào Đông Du tan rã, hưởng ứng phong trào Duy Tân, Nguyễn An Khương đã đứng ra lập Chiêu Nam lầu, đặt trụ sở tại đường Kênh Lấp, gần chợ Sài Gòn. Tham gia sáng lập Chiêu Nam lầu còn có Trương Duy Toàn. Về tên gọi, Nguyễn An Khương giải thích Chiêu Nam lầu là tiệm ăn trên lầu để mà chiêu đãi người An Nam. Chiêu Nam lầu được xây 3 tầng, trong đó tầng bên dưới bán cơm cho giới bình dân, tầng hai bán cơm cho giới thượng lưu, người có tiền và tầng trên cùng làm khách sạn. Trong lời quảng cáo đăng trên báo *Lục tỉnh tân văn*, số ra ngày 2/1/1908, Nguyễn An Khương hô hào: “Tôi lại ước ao cho bạn đồng bang đừng có ngại về danh tiếng, hoặc xuất vốn nhà, hoặc rủ hùn mà lập lấy năm bảy tiệm lầu như vậy, mướn người Thanh nấu ăn cho khéo, dọn mà tiếp đãi đồng bào, mình với mình buôn bán với nhau, vui biết chừng nào, đẹp biết chừng nào” (Viện Sử học 1999: 220).

Ngoài ra, dưới ảnh hưởng của phong trào Minh Tân, một số hội buôn nhỏ cũng được thành lập, như “Tân Hóa thương hội” ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo), “Nam Kỳ thương cuộc” ở Mỹ Tho, “Tân Hóa thương hội” ở làng Tân Hóa (Chợ Gạo) do Phan Văn Đạt chủ

trương thành lập, “Nam Kỳ thương cuộc” do Trần Văn Thạnh thành lập ở Chợ Gạo, “Y Dược công ty” với hình thức như một cơ sở bào chế Đông Nam dược, làm ra các loại thuốc ta dạng tán, dạng nước, dạng viên, ngâm rượu, Hội thương mại “Nam Hòa Thạnh” thành lập ở Biên Hòa với 130 thành viên, “Chợ Lớn Nam Chấn Thành thương xã” có thành viên khắp Nam Kỳ với số vốn điều lệ lên đến 40.000 đồng, “Tân Thành thương cuộc” thành lập ở Bến Tre chủ yếu thu mua lúa với số lượng nhiều để bán cho nhà máy và xay ra để bán lẻ... Có thể nói, phong trào Minh Tân phát triển khá mạnh với sự tham gia của đông đảo những người có tài lực, vật lực ở Nam Kỳ. Một đặc điểm đáng chú ý, lực lượng tham gia phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đa phần là địa chủ, trí thức, công chức và hương chức, trong khi đó, phong trào vẫn chưa lôi cuốn được nông dân, giai cấp chiếm đa số trong xã hội, tham gia. Đây cũng được xem là một hạn chế quan trọng của phong trào.

Thực dân Pháp thông qua đơn tố cáo của Trần Bá Thọ (con Trần Bá Lộc) đã tiến hành khám xét Minh Tân khách sạn, bắt Trần Chánh Chiêu và hàng chục người khác. Các tổ chức kinh tế khác cũng bị thực dân Pháp tìm cách cô lập, gây khó dễ dẫn đến phải đóng cửa hoặc hoạt động cầm chừng. Từ đây, phong trào Minh Tân bắt đầu đi xuống. Tuy nhiên, phong trào Minh Tân cũng cho thấy khá rõ nét vị trí và vai trò của tầng lớp trên ở Nam Kỳ lúc bấy giờ. Sơn Nam đã nhận xét: “Vào

những năm mà cuộc Minh Tân phát khởi, mức sống của điền chủ ở miền Nam đang lên cao, điền chủ bậc trung hoặc bậc đại có mức sống khỏe hơn một thương gia. Nếu dư tiền, người điền chủ cứ đầu tư vào công việc mua bán đất. Đất là bất động sản, nằm đó, không bị hao mòn, điền chủ không bận tâm mệt trí hằng ngày như người chuyên mua bán. Tương lai người điền chủ vào những năm ấy quá sáng sủa. Ở Hậu Giang còn hàng chục vạn mẫu đất đang chờ đón, họ cứ chạy chọt khéo léo là dễ dàng trở thành đại điền chủ. Do đó, mấy ông điền chủ, Phó tổng, Cai tổng chịu tham gia việc Minh Tân, chú ý đến thương mại và công nghệ là do động cơ yêu nước hơn là ham làm giàu. Họ làm vì tự ái dân tộc, vì muốn đánh đổ thực dân Pháp, muốn cho đồng bang tự cường” (Sơn Nam 1971: 132).

Vào đầu thế kỷ XX, báo chí cũng được xem là một mặt trận quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ. Tiêu biểu có thể kể đến tờ *Lục tỉnh tân văn* được thành lập ở Sài Gòn năm 1907 bởi François Henri Schneider, vốn là chủ một tờ báo ở miền Bắc vào Nam lập nghiệp. F.H. Schneider giao cho P. Jeantet quản lý tờ *Lục tỉnh tân văn*. Tờ báo có sự cộng tác, biên tập và viết bài của các ông Thọ An, Giác Ngã, Phạm Duy Tồn, Thiện Đắc, Nguyễn Bá Trác... Tờ *Lục tỉnh tân văn* ra số đầu tiên vào ngày 14/11/1907. Ngoài việc đăng tải các tài liệu chính thức do chính quyền thực dân cung cấp, tờ báo còn đề cập đến nhiều vấn đề trong nước cũng như

ngoài nước, những “tạp trở”, hoặc tiểu thuyết, thơ phú, tranh luận, “phân ưu” (tức mục chia buồn, đưa tin người chết), quảng cáo... Tờ báo chỉ bắt đầu được chú ý đến kể từ khi Trần Chánh Chiêu lên làm chủ bút tờ báo. Sau khi tiếp quản tờ báo, Trần Chánh Chiêu đã nêu rõ mục đích là muốn dựa vào tờ báo để “biến cải Nam nhân”, nhằm khuyến khích người Việt tập trung phát triển thương mại, học nghề để có thể đủ nội lực cạnh tranh trực tiếp với tư sản Pháp và Hoa Kiều. Tờ *Lục tỉnh tân văn* trong thời kỳ Trần Chánh Chiêu quản lý đã tham gia hoạt động trên các mặt trận văn chương và chính trị thông qua các bài viết được công bố.

Có thời gian, Trần Chánh Chiêu làm chủ bút cả hai tờ *Lục tỉnh tân văn* và *Nông cổ mín đàm*, và ông đã sử dụng cả hai tờ báo để cổ động mạnh cho phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ. Trên các tờ báo này, Trần Chánh Chiêu đã vận động mạnh mẽ “Minh Tân”, chú trọng gây chuyển biến tư tưởng “trọng nông ức thương”, tư tưởng “nhất sĩ nhì nông” đã có tự bao đời nay thành ý muốn tranh thương, ý muốn làm công nghiệp để chấn hưng kinh tế nước nhà. Trong 50 số đầu của tờ báo dưới quyền chủ bút Trần Chánh Chiêu, phần chính yếu của tờ *Lục tỉnh tân văn* là vận động cho phong trào Minh Tân, bao gồm nhiều tài liệu kêu gọi, giải thích, châm biếm, tranh luận, thơ phú và cũng có những bài có tính chất tranh đấu gián tiếp chống chính quyền thuộc địa và tay sai đắc lực của thực dân. Sau khi Trần Chánh Chiêu bị thực dân Pháp bắt, Lương Khắc

Ninh - chủ bút tờ *Nông cổ mín đàm* được đưa qua làm chủ bút tờ *Lục tỉnh tân văn*. Báo *Lục tỉnh tân văn* phát hành đến tháng 12/1944 thì đình bản. “Có thể nói đây là tờ báo đối lập đầu tiên của làng báo Việt Nam, ra đời trong hoàn cảnh chính trị, kinh tế đặc biệt của xứ Nam Kỳ” (Sơn Nam 1974: 34). Tờ báo dưới thời kỳ quản lý của Trần Chánh Chiêu đã được sử dụng như một công cụ để tuyên truyền cho công cuộc Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX.

4. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ PHONG TRÀO DUY TÂN Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỶ XX

Trên cơ sở tìm hiểu phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX, bài viết rút ra một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, phong trào thể hiện tinh thần yêu nước cao độ của người Nam Kỳ trong quá trình đấu tranh giành độc lập. Kế thừa tinh thần quật khởi kháng Pháp nửa sau thế kỷ XIX, các phong trào yêu nước như phong trào Đông Du, Duy Tân do nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng từ Trung Kỳ, nhưng đã được nhân dân Nam Kỳ tham gia, ủng hộ mạnh mẽ hơn tất cả các nơi khác.

Thứ hai, phát triển ở một vùng đất sớm đã trở thành thuộc địa khai thác của thực dân Pháp, phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ, trên phương diện kinh tế, văn hóa có những yêu cầu và hình thức tổ chức ở mức độ cao hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Lực lượng chính của phong trào là những người thuộc tầng lớp trên của xã hội, do đó

các tầng lớp quần chúng nhân dân vẫn chưa được chú trọng. Đây cũng là một hạn chế của phong trào.

Thứ ba, ở Nam Kỳ, phong trào Duy Tân có sự linh hoạt, mềm dẻo hơn những vùng khác của đất nước. Tại đây phong trào yêu nước không chịu ảnh hưởng nặng của Nho giáo như ở Trung Kỳ bởi sự tham gia đông đảo của các nhân vật tân học. Trong khi ở Bắc Kỳ, màu sắc cách mạng văn hóa với các hoạt động văn hóa xã hội gần như là chủ lưu, thì ở Nam Kỳ, những hoạt động duy tân khá thực dụng, gắn với phát triển thương mại, chấn hưng kinh tế. Sự ra đời của các tờ báo gắn liền với cuộc vận động kinh tế của tầng lớp trí thức mới này là một biểu tượng mới trong xã hội hiện đại. Tất nhiên, cũng phải nhấn mạnh lại là những khác biệt này là có nhưng không nên tuyệt đối, chủ yếu là khác biệt về đường lối chứ không phải là về tinh thần yêu nước.

Nhìn chung, vào đầu thế kỷ XX, phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ được phát triển trên cơ sở vững chắc của tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ cũng giống các phong trào yêu nước phi vô sản ở Nam Kỳ thời điểm này là không có đường lối chính trị rõ ràng, nhất là chưa biết dựa vào quần chúng nhân dân, không tạo ra được sức mạnh tổng hợp, không tạo được sự thống nhất cao trong những người khởi xướng phong trào. Vì vậy, khi những người lãnh đạo bị bắt thì phong trào cũng nhanh chóng tan rã theo. Xã hội Nam

Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung đầu thế kỷ XX lâm vào cuộc khủng hoảng cả về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Thực tế đó đòi hỏi phải có một đường lối cách mạng đúng đắn và một tổ chức cách mạng có khả năng đưa phong trào yêu nước Việt Nam đi đến thắng lợi. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Thời đó, ông Chiếu có người con là Trần Chánh Tiệt du học tại Hương Cảng, trường Saint Joseph, dạy tiếng Anh. Ông Chiếu do có Pháp tịch nên dễ dàng qua lại Hương Cảng thăm con. Do đó, ông có được nhiều dịp gặp và luận đàm cùng ông Phan Bội Châu tại Hương Cảng, rồi bí mật sang Nhật để gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Lẽ lối làm việc của ông khá thiết thực vì là người chịu ảnh hưởng tân học.

⁽²⁾ Sự việc này được Phan Bội Châu ghi lại như sau: Ông “xuất dương đồng sự với tôi hơn 7 năm. Sau nhân ở Hương Cảng vì toan mưu ám sát, thuê nhà kín, chế tạo trái phá, bị người Pháp bắt được đem về, ông tự tử ở Hà Nội (Phan Bội Châu 1990, tập 6: 70).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dương Trung Quốc. 2006. “Trăm năm nhìn lại cuộc Đông Du”, Báo *Tuổi trẻ online*, ngày 19/3/2006. <http://www2.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=128172&ChannelID=13>
2. Đoàn Lê Giang. 2012. “Các chí sĩ Đông Du Nam Kỳ hoạt động ở Nhật Bản”. Tạp chí *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 15, số X1.
3. Nguyễn Ngọc Cơ. 2002. “Tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, trong Trần Bá Đệ (chủ biên). *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Trọng Tín. 2007. “100 năm Đông Kinh nghĩa thực: Thực hành ở Nam Kỳ”. Báo *Sài Gòn tiếp thị*, ngày 28/8/2007.
5. Phan Bội Châu. 1990. *Toàn tập* - tập 6. Chương Thâu sưu tầm và biên soạn. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
6. Sasges. Gerard. 2006. “Sự thật về kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ nhất của thực dân Pháp”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 12.
7. Shiraishi Masaya. 2000. *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và Châu Á*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Sơn Nam. 1971. *Miền Nam đầu thế kỷ XX: Thiên địa hội và cuộc Minh Tân*. Sài Gòn: Nxb. Phù Sa.
9. Sơn Nam. 1974. *Phong trào duy tân Bắc - Trung - Nam*. Sài Gòn: Đông Phố xuất bản.
10. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên). 2005. *Địa chí Tiền Giang*. Tiền Giang: Ban Tuyên giáo Tiền Giang xuất bản.
11. Trần Văn Giàu. 1993. *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập II: *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. TP HCM: Nxb. TP HCM.
12. Viện Sử học. 1999. *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Vinh Sinh (ed.). 1988. *Phan Boi Chau va Dong Du Movement*. Yale Center for International and Area Studies. New Heaven.